

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THÁI HÒA  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/DS-ST

Ngày: 11 /5 /2022

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA – NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Hợp Huyền  
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị An -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ an tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST- DS ngày 13/10/2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 13/04/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022; giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; Ông Trương Văn Th, sinh năm 1962 (là vợ chồng)

Đều trú tại : Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. (đều có mặt)

**Bị đơn:** Bà Dương Thị H, sinh năm 1973; ông Trương Văn Tr, sinh năm 1972 (là vợ chồng)

Đều trú tại : Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An  
(đều vắng mặt lần thứ hai không lý do)

Người làm chứng: +Anh Trương Văn T, sinh năm 1967

Trú tại : Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Anh Trương Văn Tài

Trú tại : Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2021, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trương Văn Th thống nhất trình bày:*

Ông Tr, bà H và ông Th, bà H là họ hàng của nhau và ở cùng xóm ngày 11/9/2015 Ông Tr, bà H đã vay của ông Th, bà H số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), các bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày vay theo như giấy

vay tiền đề ngày 11/9/2015 mà ông Th, bà H đã cung cấp cho Tòa án, còn nợ gốc thì các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng là hẹn sau sáu tháng Ông Tr, bà H phải trả hết nợ cho ông Th, bà H. Nhưng sau khi vay, bà H, ông Tr đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ông Th, bà H như đã thỏa thuận, mặc dù ông Th, bà H đã phải hỏi nợ và thúc dục rất nhiều lần và yêu cầu viết giấy khất nợ vào ngày 9/3/2019. Theo giấy khất nợ đề ngày 9/3/2019 mà bà H, ông T đã viết cho ông Th, bà H thì có hẹn sau 03 tháng sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi nhưng vẫn không chịu trả nợ như đã hẹn. Cho đến ngày 09/9/2021 bà H, ông Tr mới trả được hết số tiền nợ gốc cho ông Th, bà H là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) còn lãi suất chưa trả đồng nào. Số tiền nợ gốc ông Tr, bà H đã trả cho bà H, ông Th cụ thể như sau:

- Ngày 25/7/2017 trả 50.000.000 đồng. Số tiền gốc còn nợ lại là 150.000.000 đồng, không trả lãi.

- Ngày 09/3/2019 trả 16.000.000 đồng tiền gốc, không trả lãi, còn nợ lại tiền gốc là 134.000.000 đồng và đã viết giấy khất nợ lại.

- Ngày 13/8/2020 trả tiếp được 35.000.000 đồng tiền gốc không trả lãi. Số tiền gốc còn nợ lại là 99.000.000 đồng. Người trả tiền là anh Trương Tuấn T con trai của bà H, ông Tr.

- Đến ngày 02/10/2020 (16/8/2020 âm lịch) trả tiếp được 20.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ lại là 79.000.000 đồng, không trả lãi. Người trả tiền là anh Trương Tuấn T con trai của bà H, ông Tr.

- Ngày 05/11/2020 bà Han, ông Trầm trả tiếp 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi không trả, số tiền gốc còn nợ lại là 29.000.000 đồng. Người trả tiền là anh Trương Tuấn T con trai của bà H, ông Tr.

- Ngày 09/9/2021 sau khi bà H, ông Th nộp đơn ra tòa thì bà Han trả tiếp cho bà H, ông Th số tiền 29.000.000 đồng. Tiền lãi không trả.

Tổng cộng tiền gốc đã trả là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Nay bà H, ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Han, ông Trầm phải trả lãi cho ông Th, bà H cụ thể như sau:

- Từ ngày 11/9/2015 đến ngày 25/7/2017: 674 ngày x 200.000.000 đồng x 1%/30 ngày = 44.933.333 đồng.

- Từ ngày 26/7/2017 đến ngày 09/3/2019: 583 ngày x 150.000.000 đồng x 1%/30 ngày = 29.150.000 đồng.

- Từ ngày 10/3/2019 đến ngày 13/8/2020: 513 ngày x 134.000.000 đồng x 1%/30 ngày = 22.914.000 đồng

- Từ ngày 14/8/2020 đến ngày 02/10/2020 (16/8/2020 âm lịch): 47 ngày x 99.000.000 đồng x 1%/30 ngày = 1.551.000 đồng.

- Từ ngày 03/10/2020 đến ngày 05/11/2020: 32 ngày x 79.000.000 đồng x 1%/30 ngày = 842.666,667 đồng.

- Từ ngày 06/11/2020 đến ngày 11/8/2021: 275 ngày x 29.000.000 đồng x 1%/30 ngày = 2.658.333 đồng.

- Từ ngày 12/8/2021 đến ngày 09/9/2021 (ngày trả nợ cuối cùng) : 28 ngày x 29.000.000 đồng x 1%/30 ngày = 270.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi bà H, ông Th yêu cầu bà H ông Tr trả nợ cụ thể như sau: 44.933.333đ + 29.150.000đ + 22.914.000đ + 1.551.000đ + 842.666,667đ + 2.658.333đ + 270.000đ = 102.319.333đ (một trăm linh hai triệu, ba trăm mười chín nghìn , ba trăm ba mươi ba đồng).

*Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm:* Giấy vay tiền đề ngày 11/9/2015 (bản gốc); Giấy khất nợ đề ngày 9/3/2019 (bản gốc) Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (phô tô chứng thực)

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Thái hòa, tỉnh Nghệ An đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định để bà H, ông Tr và người làm chứng anh Trương Tuấn T (con trai ông Tr, bà H) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người làm chứng nhưng chị bà H, ông Tr và anh T vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do nên không có lời trình bày, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

*Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Trương văn T trình bày:* Ông t là em trai ông Th, còn chị H là chị dâu, vào ngày 9/3/2019 bà H, ông Tr đang còn nợ ông Th, bà H số tiền 134.000.000 đồng và có viết giấy khất nợ cho ông Th, bà H, vào thời điểm này ông Th, bà H đang có ý định đi làm ăn xa nên đã ủy quyền cho ông T lấy số tiền nợ nơi ông Tr, bà H như trong giấy khất nợ đã viết, nhưng sau đó ông Th, bà H không đi nữa nên ông Tr, bà H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Th, bà H; ông T không nhận tiền nơi bà H, ông Tr lần nào, còn các bên đã trả đến đâu thì anh T không biết vì anh T không liên quan đến việc vay nợ trên.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản lấy lời khai ông Th, bà H ngày 18/3/2022; Biên bản xác minh tại xóm Thịnh Mỹ, xã Nghĩa Mỹ, thị xã Thái Hòa nơi cư trú của bà H, ông Tr.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái hòa tham gia phiên Tòa có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 BLTTDS; Căn cứ Điều 286, 357, 463, 466, 468, 469 BLDS; Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Th và bà Nguyễn Thị H: Buộc ông Trương Văn Tr và bà Dương Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trương Văn Tr và bà Dương Thị H phải tiếp tục trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc ông Trương Văn Tr và bà Dương Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các ý kiến của nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ lãi là 102.319.333đ (một trăm linh hai triệu, ba trăm mười chín nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) nên có đủ cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 - BLTTDS; đồng thời bị đơn hiện đang cư trú tại xóm Thịnh Mỹ, xã Nghĩa Mỹ, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo điểm a khoản 1 Điều 39 - BLTTDS.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; 72- BLTTDS, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 - BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là “Giấy vay tiền” ngày 11/9/2015 thấy rằng: Hình thức của giấy vay có chữ ký và ghi rõ họ tên của các bên, đúng theo quy định tại Điều 124- BLDS 2005 và Khoản 1 Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét nội dung thỏa thuận của các bên trong “Giấy vay tiền” ngày 11/9/2015 không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 122- BLDS 2005 và Điều 117- BLDS 2015 nên có giá trị thi hành đối với các bên.

Thực hiện nội dung như đã thỏa thuận tại “Giấy vay tiền” ngày 11/9/2015 ông Tr, bà H đã trả nợ cho bà H, ông Th số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào ngày 25/7/2018, vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng là 1% như đã thỏa thuận. Đến ngày 9/3/2019 ông Tr, bà H đã trả được cho ông Th, bà H với tổng số tiền 66.000.000đ tiền gốc, vẫn vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên ông Tr, bà H đã viết “Giấy khát nợ” cho ông Th, bà H, hẹn sau 03 tháng phải trả hết gốc và lãi nhưng vẫn không thực hiện trả gốc và lãi đúng như đã cam kết, vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Sau đó ông Tr, bà H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Th, bà H nhiều lần, nhưng đều trả nợ gốc, đến ngày 09/9/2021 ông Tr, bà H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho ông Th, bà H với tổng số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) chưa thực hiện nghĩa vụ trả lãi.

Xét trong “Giấy vay tiền” ngày 11/9/2015 các bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng nên ông Th, bà H yêu cầu ông Tr, bà H phải trả lãi từ ngày 11/9/2015 đến ngày 25/7/2017:  $674 \text{ ngày} \times 200.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/30 \text{ ngày} = 44.933.333 \text{ đồng}$ ; từ ngày 26/7/2017 đến ngày 09/3/2019:  $583 \text{ ngày} \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/30 \text{ ngày} = 29.150.000 \text{ đồng}$  Tổng cộng 74.083.333đ thấy rằng: Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 1 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì khoảng thời gian yêu cầu trả lãi của ông Th, bà H từ ngày 11/9/2015 đến trước ngày 01/01/2017 thì áp dụng BLDS 2005 để giải quyết và trong khoảng thời gian này, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi 1%/ tháng tương đương 12%/năm như thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 11/9/2015 là không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, phù hợp

với Điều 476 - BLDS -2005; còn từ ngày 01/7/2017 đến ngày 09/3/2019 thì nội dung thỏa thuận lãi suất của các bên phù hợp với Điều 357; Khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi từ ngày 10/3/2019 đến ngày 13/8/2020:  $513 \text{ ngày} \times 134.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/30 \text{ ngày} = 22.914.000 \text{ đồng}$

- Từ ngày 14/8/2020 đến ngày 02/10/2020 (16/8/2020 âm lịch):  $47 \text{ ngày} \times 99.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/30 \text{ ngày} = 1.551.000 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 03/10/2020 đến ngày 05/11/2020:  $32 \text{ ngày} \times 79.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/30 \text{ ngày} = 842.666,667 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 06/11/2020 đến ngày 11/8/2021:  $275 \text{ ngày} \times 29.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/30 \text{ ngày} = 2.658.333 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 12/8/2021 đến ngày 09/9/2021 (ngày trả nợ cuối cùng) :  $28 \text{ ngày} \times 29.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/30 \text{ ngày} = 270.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng là 28. 235.999 thấy rằng tuy nội dung “Giấy khất nợ ngày 9/3/2019” bị đơn chỉ ghi thỏa thuận trả lãi, không xác định lãi suất bao nhiêu %, nhưng nội dung trong “Giấy khất nợ” là ông T, bà H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại chưa trả theo “Giấy vay tiền ngày 11/9/2015” nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi với lãi suất 1%/tháng là có căn cứ.

Ông Tr Bà H đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh không phát sinh nghĩa vụ theo như yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Từ sự phân tích trên có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho nguyên đơn với số tiền nợ lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 11/9/2015 đến ngày 09/9/2021 là 102.319.333đ (một trăm linh hai triệu, ba trăm mười chín nghìn , ba trăm ba mươi ba đồng) theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 14/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Các Điều 357; 468 BLDS 2015.

[4] Án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 147 - BLTTDS; các Điều 122, 124, 476 BLDS 2005; các Điều 117; Khoản 1 Điều 119; các Điều 357, 463, Điều 466, 468; 688 - Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 5; Điểm c Khoản 1 Điều 2, Điểm a Khoản 1 Điều 13 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 14/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm c tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Th, bà Nguyễn Thị H (là vợ chồng).

Buộc bị đơn bà Dương Thị H, ông Trương Văn Tr (là vợ chồng) phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho ông Trương Văn Th, bà Nguyễn

Thị H với số tiền lãi là: 102.319.333đ (một trăm linh hai triệu, ba trăm mười chín nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn bà Dương Thị H, ông Trương Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong “Giấy vay tiền” ngày 11/9/2015 Là 12%/năm, tương đương 1%/tháng.

3. Án phí: Bà Dương Thị H, ông Trương Văn Tr phải chịu 5.115.967đ (năm triệu, một trăm mười lăm nghìn, chín trăm sáu bảy đồng) án phí DSST.

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.270.216đ (ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, hai trăm mười sáu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa theo biên lai thu tiền số 0008457 ngày 13/10/2021.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngoan**







